TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 10 - 2018.
V/v ly hôn giữa anh C và chị H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng.
- Ông Vũ Đức Khang.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXX - ST ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân C – Sinh năm: 1974;
Nơi cư trú: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H – Sinh năm: 1979;
Nơi cư trú: Xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh C, vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 18/6/2018 cũng như lời khai của anh Nguyễn Xuân C tại phiên tòa thể hiện: Anh kết hôn với chị Trần Thị H vào tháng 11/2000 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh bị bệnh tật, vợ con không quan tâm sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh ly thân từ tháng 6/2013 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung anh Nguyễn Xuân C trình bày: Giữa anh và chị H có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 27/02/2001; cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 24/7/2002 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 27/3/2007, từ khi vợ chồng ly thân các con đều do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn anh C có nguyện vọng để chị H nuôi ba con và anh tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi ba con cùng chị H mỗi con trên một tháng là 500.000 đồng kể từ tháng 10/2018 cho đến khi các con trưởng thành lao động tự lập được.

Về tài sản chung của vợ chồng anh Nguyễn Xuân C khai: Vợ chồng anh không có tài sản chung, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí anh Nguyễn Xuân C đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay chị Trần Thị H không có mặt (chị H có đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt). Lời khai của chị H tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Chị kết hôn với anh C vào tháng 11/2000 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 6/2013 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh C xin ly hôn chị thì chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn lên chị nhất trí thuận tình ly hôn với anh Nguyễn Xuân C.

Về con chung chị Trần Thị H xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 27/02/2001; cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 24/7/2002 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 27/3/2007, từ khi vợ chồng ly thân các con đều do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi ba con và yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi ba con cùng chị H mỗi con trên một tháng là 500.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con trưởng thành lao động tự lập được.

Về tài sản chung chị Trần Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Xử thuận tình ly hôn giữa chị anh Nguyễn Xuân C và chị Trần Thị H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 27/02/2001; cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 24/7/2002 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 27/3/2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi ba con cùng chị H mỗi con trên một tháng là 500.000 đồng kể từ tháng 10/2018 cho đến khi các con trưởng thành lao động tự lập được; Về án phí: anh C phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân C và chị Trần Thị H đều cư trú tại huyện N. Nay anh Nguyễn Xuân C có đơn xin ly hôn chị Trần Thị H và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên Tòa hôm nay chị Trần Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân C và chị Trần Thị H vào tháng 11 năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng ly thân nhau từ tháng 6/2013 cho đến nay. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, chị H cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh C và chị H là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân C và chị Trần Thị H đều thống nhất xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 27/02/2001; cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 24/7/2002 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 27/3/2007, từ khi vợ chồng ly thân các con đều do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn anh C, chị H đều thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Thị

Thuỳ L, sinh ngày 27/02/2001; cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 24/7/2002 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 27/3/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi ba con cùng chị H mỗi con trên một tháng là 500.000 đồng kể từ tháng 10/2018 cho đến khi các con trưởng thành lao động tự lập được. Thấy việc thỏa thuận của anh C và chị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật. Mặt khác các con chung của anh C và chị H cũng đều có nguyện vọng xin được ở với chị H vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Anh Nguyễn Xuân C và chị Trần Thị H đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Xuân C phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân C và chị Trần Thị H.

[2] - Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 27/02/2001; cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 24/7/2002 và cháu Nguyễn Đình C, sinh ngày 27/3/2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi ba con cùng chị H mỗi con trên một tháng là 500.000 đồng kể từ tháng 10/2018 cho đến khi các con trưởng thành lao động tự lập được. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] – Về án phí: Anh Nguyễn Xuân C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số anh C phải nộp là 600.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BB/2012/06305 ngày 21/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh C còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dântỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương